| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 123/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ngân hàng KL; trụ sở: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Trung V – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung V: ông Trần Thanh V – Chuyên viên phòng xử lý nợ khu vực – Phòng xử lý nợ - Ngân hàng KL (theo Quyết định số 152/QĐ-NHKL ngày 16/01/2024 về việc ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979; có mặt

2. Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1982; có mặt

Cùng cư trú tại: tổ 17, ấp KB, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1975; vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2001; vắng mặt

3. Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2009; vắng mặt

Cùng cư trú tại: ấp KB, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị Mỹ N là: ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1975; cư trú tại: ấp KB, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng KL (viết tắt Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L trả tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 22/02/2025 là 156.688.822đ, trong đố nợ gốc: 130.000.000đ, lãi quá hạn 26.688.822 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận tại: hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 1120/20/HĐTD/1201-2207 ngày 06/10/2020, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 1120/20/HĐTD/1201-2207-1 ngày 24/11/2021 và hợp đồng tín dụng từng lần số: 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023 kể từ ngày 23/02/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Duy trì hợp đồng thế chấp số 1120/20/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 06/10/2020 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 1120/20/HĐTD/1201-2207-01 ngày 24/11/2021 được ký kết giữa ngân hàng KL – Phòng giao dịch Châu Phú với ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L. Trường hợp ông H và bà L không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BS 701666, số vào sổ cấp giấy CH06100, diện tích đất 82,1m$^2$, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 30/7/2014 cho ông Nguyễn Tấn H; quyền sử

dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 633006, số vào sổ cấp giấy CS08083, diện tích đất 82,8m$^2$, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 04 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 06/9/2017 cấp cho ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:*

Thống nhất có ký các hợp đồng và thế chấp 02 quyền sử dụng đất như Ngân hàng đã trình bày. Thống nhất hiện còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/02/2025 là 156.688.822đ, trong đó nợ gốc: 130.000.000đ, lãi quá hạn 26.688.822đ. Thống nhất tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Hiện hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên yêu cầu Ngân hàng không tính lãi quá hạn.

Đối với diện tích đất 82,1m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 701666, số vào sổ cấp giấy CH06100, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 30/7/2014 đã thế chấp cho Ngân hàng thì ông bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn K vào năm 2022 với số tiền 110.000.000đ. Tuy nhiên, đã thỏa thuận được với ông K về số tiền 110.000.000đ, ông K không tranh chấp và thống nhất để Ngân hàng xử lý tài sản nêu trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K trình bày:*

Ông có nhận chuyển nhượng diện tích đất 82,1m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 701666, số vào sổ cấp giấy CH06100, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 30/7/2014 của ông Nguyễn Tấn H vào năm 2022 với số tiền 110.000.000đ. Do anh em ruột nên khi nhận chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay, không có công chứng, thời điểm nhận chuyển nhượng đất thì ông H, bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông K cất nhà ở trên đất cho đến nay, hiện trên nhà gồm có ông và 02 người con đang sinh sống gồm: Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Thị Mỹ N.

Đối với diện tích đất 82,1m$^2$ ông nhận chuyển nhượng của ông H, bà L thì ông thống nhất nếu ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi để đảm bảo thi hành án. Ông K không tranh chấp diện tích đất trên vì đã thỏa thuận được với ông H, bà L về số tiền 110.000.000đ. Nếu sau này có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện đối với số tiền 110.000.000đ bằng vụ án khác.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai*

*chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ D và em Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.*

*Tại phiên tòa,*

*Ông Trần Thanh Vũ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng yêu cầu ông H, bà L có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền 162.292.000đ, trong đó nợ gốc 130.000.000đ, lãi quá hạn tính từ 23/02/2024 đến ngày 09/5/2025 là 32.292.000đ. Tiếp tục yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số: 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023 kể từ ngày 10/5/2025 đến ngày ông H, bà L trả hết nợ gốc. Trường hợp ông H, bà L không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bị đơn ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:*

Thống nhất theo tất cả các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, do kinh tế đang khó khăn nên chưa có điều kiện trả nợ. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:*

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông H, bà L là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Về án phí dân sự và chi phí tố tụng: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại vốn vay và tiền lãi, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Xét văn bản ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.4] Ngân hàng, ông H và bà L thống nhất các tài liệu, chứng cứ trong vụ án là: hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số: 1120/20/HĐTD/1201-2207 ngày 06/10/2020, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi bổ sung số: 1120/20/HĐTD/1201-2207-1 ngày 24/11/2021, hợp đồng tín dụng từng lần số: 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023, hợp đồng thế chấp số 1120/20/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 06/10/2020 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 1120/20/HĐTD/1201-2207-01 ngày 24/11/2021. Hội đồng xét xử xét thấy những tài liệu chứng cứ các đương sự đã thống nhất thuộc trường hợp những tình tiết, sự việc, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là chứng cứ sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng và ông H, bà L xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức của hợp đồng bằng văn bản. Khi xác lập hợp đồng các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự, xét thấy hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng với ông H và bà L là phù hợp với quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[2.2] Theo thỏa thuận tại khoản 1 và khoản 3 Điều 1 của hợp đồng cấp tín dụng từng lần số 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023 số tiền ông H, bà L vay là 130.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 24/02/2023 đến ngày 23/02/2024). Xét thấy, sau khi ký hợp đồng ông H, bà L đã nhận số tiền 130.000.000đ được thể hiện tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 073/23/KUNN.CN ngày 23/02/2023, khi đến hạn trả nợ gốc thì ông bà không thực hiện. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông bà đều thống nhất chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Xét lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng từng lần số 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023 là phù hợp với quy định tại

Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà L có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 162.292.000đ, trong đó nợ gốc 130.000.000đ, tiến lãi quá hạn tính từ ngày 23/02/2024 đến ngày 09/5/2025 là 32.292.000đ, tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng từng lần số 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023 kể từ ngày 10/5/2025 đến khi ông H, bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc 130.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1120/20/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 06/10/2020 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 1120/20/HĐTD/1201-2207-01 ngày 24/11/2021 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án khi ông H, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng và ông H, bà L đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú là phù với quy định pháp luật. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4 Diện tích đất 82,1m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 701666, số vào sổ cấp giấy CH06100, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 30/7/2014 hiện có căn nhà của ông K. Quá trình giải quyết vụ án ông K thừa nhận khi nhận chuyển nhượng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông với ông H, bà L không được công chứng, chứng thực. Đối với quyền sử dụng đất nêu trên ông không tranh chấp, giữa ông với ông H, bà L đã thỏa thuận với nhau về số tiền 110.000.000đ, trường hợp ông H, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi theo quy định. Xét thấy, ông K không tranh chấp đối với quyền sử dụng đất diện tích 82,1m$^2$ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp thì ông K được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông H, bà L phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông H, bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả trả cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long đối với ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L.

Buộc ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long tổng số tiền 162.292.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi quá hạn là 32.292.000đ (ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc (nợ gốc là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng)) còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 073/23/HĐTD/1201-13084 ngày 23/02/2023. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng từng lần các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1120/20/HĐTC-BĐS/1201-2207 ngày 06/10/2020 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 1120/20/HĐTD/1201-2207-01 ngày 24/11/2021 đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long – Phòng giao dịch Châu Đốc với ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

**2.** Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L phải chịu 8.114.600đ (tám triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0006078 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**3.** Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Tấn H và bà Ngô Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Kiên Long số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**4.** Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Quang**